

Bản án số: 16/2019/ DS-ST

Ngày 16 - 4 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Đại

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 07/ 2019/ TLST- DS ngày 11 tháng 01 năm 2019, về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Đặng T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Tổ 21, ấp H, xã P, huyện H, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Đặng T là bà Ngô Thị Tuyết L, sinh năm: 1950 (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/01/2019).

Địa chỉ: Tổ 21, ấp H, xã P, huyện H, tỉnh L .

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 25, số nhà 360, ấp H, xã P, huyện H, tỉnh L.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Ngô Thị Tuyết L, sinh năm: 1950.

Địa chỉ: Tổ 21, ấp H, xã P, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị Đặng T có bà Ngô Thị Tuyết L làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do quen biết với bà Nguyễn Thị H nên bà H có đến nhà của bà hỏi vay tiền, bà có nói với bà H là bà không có tiền nhưng con gái bà là Phan Thị Đặng T có tiền, vì vậy con bà lấy tiền đưa cho bà H vay 50.000.000 đồng vào tháng 8/2017, lãi suất 4%/tháng, bà H đóng lãi được 02 tháng số tiền là 4.000.000 đồng, sau đó bà H vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 03/11/2017 bà H viết biên nhận có vay của chị T số tiền 70.000.000 đồng, vì là tiền của chị T nên bà H làm biên nhận cho chị T. Kể từ ngày làm biên nhận bà H không có trả tiền gốc và lãi cho chị T. Nguyên đơn yêu cầu bà H trả cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng, tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu.

-Bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Trước đây bà không nhớ thời gian nào, bà có vay của chị T số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, bà đóng lãi cho chị T nhiều lần số tiền 60.000.000 đồng. Sau đó bà vay tiếp 20.000.000 đồng, đóng lãi được 4.800.000 đồng. Ngày 03/11/2017 bà L yêu cầu bà làm biên nhận cho chị T còn nợ số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi làm biên nhận bà vẫn còn đóng lãi cho chị T với lãi suất 4%/tháng. Do bà còn nợ quá nhiều người nên bà không còn khả năng đóng lãi cho chị T. Bà không đóng lãi khoảng 2 đến 03 tháng thì chị T thưa ở Ủy ban nhân dân xã. Bà đã đóng lãi cho chị T số tiền 64.800.000 đồng. Số tiền vay bà nhận từ bà L, việc đóng lãi cũng đóng cho bà L, khi đóng lãi không có làm giấy tờ. Bà yêu cầu khấu trừ số tiền lãi là 35.000.000 đồng trừ vào tiền gốc, lý do bà không còn khả năng trả nên xin khấu trừ tiền lãi vào tiền gốc vì đã đóng lãi quá nhiều cho chị T. Còn lại 35.000.000 đồng bà đồng ý trả cho chị T, nhưng xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị Tuyết L trình bày: Qua quen biết nên bà H có hỏi vay tiền của bà, do bà không có tiền nên bà có lấy tiền của chị T cho bà H vay. Vì vậy khi làm biên nhận bà H làm biên nhận cho chị T. Bà là người đưa tiền và nhận tiền lãi từ bà H. Bà chỉ nhận tiền lãi từ bà H 02 tháng của số tiền gốc 50.000.000 đồng với số tiền lãi là 4.000.000 đồng. Việc bà H nói đóng lãi cho bà số tiền là 64.800.000 đồng là hoàn toàn không đúng.

-Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

-Bà L đồng ý khấu trừ 4.000.000 đồng tiền lãi vào tiền gốc. Bà chỉ yêu cầu bà H trả cho chị T 66.000.000 đồng tiền gốc.

-Bà H yêu cầu khấu trừ 35.000.000 đồng tiền lãi vào tiền gốc. Còn lại 35.000.000 đồng bà đồng ý trả, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa bà L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý khấu trừ 4.000.000 đồng tiền lãi vào số tiền gốc, bà L chỉ yêu cầu bà H trả cho chị T số tiền gốc là 66.000.000 đồng.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 66.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 03/11/2017 bà H có ký vào tờ mượn tiền nội dung là bà H có mượn của chị T số tiền là 70.000.000 đồng. Bà L và bà H đều thừa nhận hiện nay bà H còn nợ chị T số tiền là 70.000.000 đồng. Do đó đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét thấy hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Tuy nhiên tại phiên tòa bà L chỉ yêu cầu bà H trả cho chị T số tiền gốc là 66.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận. Do đó buộc bà H phải trả cho chị T số tiền 66.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Xét yêu cầu bà H xin khấu trừ 35.000.000 đồng tiền lãi mà bà H đã đóng cho chị T vào tiền gốc. Còn lại 35.000.000 đồng bà đồng ý trả cho chị T vì hiện nay bà không có khả năng trả nợ là chưa có căn cứ chấp nhận. Bởi vì bà L không thừa nhận bà H có đóng cho chị T tiền lãi là 64.800.000 đồng, bà L chỉ thừa nhận bà H có đóng lãi được 02 tháng số tiền là 4.000.000 đồng, bà H cũng không chứng minh được chị T có nhận của bà 64.800.000 đồng tiền lãi.

[4]. Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng là không có căn cứ, bởi bà L không đồng ý và pháp luật cũng không có quy định về việc trả dần.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà H nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H là người cao tuổi. Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho chị Phan Thị Đặng T số tiền gốc còn nợ là 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H. Hoàn trả cho chị Phan Thị Đặng T 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0002064 ngày 11 tháng 01 năm 2019.

3. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng